TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 202/2025/KDTM-ST
Ngày: 28/11/2025
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Quản
2. Ông Võ Văn Tốt

- Thư ký phiên tòa*:* Ông Nguyễn Mạnh Khôi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:* Không tham gia phiên tòa vì Tòa án không thu thập chứng cứ.

Ngày 28 tháng 11 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2025/TLST-KDTM ngày 21 tháng 01 năm 2025 về tranh chấp "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 4411/2025/QĐST-KDTM ngày 13 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam).**

Trụ sở: Tầng C, T và T, Phòng CP1.L01 và Phòng CP2.L01, Tòa nhà C, số B L, phường N, quận B (nay là phường N), Thành phố Hà Nội.

Địa chỉ liên lạc: Phòng 301, Lầu C, Số A N, phường T, Quận G (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh;

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Thúy H – Tổng Giám đốc;

Đại diện ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Lê Hồng Q (theo giấy ủy quyền số 369/LC-SCBVL.25 ngày 11/11/2025).

(Có đơn xin vắng mặt).

2. *Bị đơn:* **Công ty TNHH I.**

Trụ sở: 1 L, phường T Quận A (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh;
Đại diện theo pháp luật: Bà Bùi Thị Mai H1 – Giám đốc;
Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường Đ, quận H (nay là phường H), thành phố Hải Phòng.

(Có đơn xin vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ông Bùi Văn C, sinh năm: 1976.
Địa chỉ thường trú: Thôn M, xã N, huyện C (nay là Đặc khu C), thành phố Hải Phòng;
Địa chỉ liên hệ: 1 Đà Nẵng, phường G, quận N (nay là phường N), thành phố Hải Phòng;
(Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn Ngân hàng TNHH Standard Chartered (Việt Nam) trình bày:

I. Nội dung vụ việc:

1. Thông tin khoản vay:

Căn cứ theo Thư cấp hạn mức tín dụng số BFL/MISA/23-87-HCM ngày 25/9/2023 cùng các tài liệu khác kèm theo hồ sơ vay vốn của công Công ty TNHH I, Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam) (sau đây gọi tắt là Ngân hàng S) đã cấp tín dụng cho Công ty TNHH I chi tiết như sau:

1.1. Khoản vay số:TF611BCL91

- Số tiền vay: 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng)
- Số tiền giải ngân: 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng)
- Ngày giải ngân: 30/01/2024
- Đồng tiền vay vốn: Việt Nam Đ
- Thời hạn vay: 119 ngày (Đến ngày 28/05/2024)
- Mục đích khoản vay: Tài trợ hóa đơn mua hàng
- Lãi suất vay được quy định như sau:
+ Lãi suất trong hạn: 11%/năm.
+ Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

1.2. Khoản vay số:TF611BCM24

- Số tiền vay: 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng)
- Số tiền giải ngân: 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng)
- Ngày giải ngân: 31/01/2024
- Đồng tiền vay vốn: Việt Nam Đ
- Thời hạn vay: 119 ngày (Đến ngày 29/05/2024)
- Mục đích khoản vay: Tài trợ hóa đơn mua hàng
- Lãi suất vay được quy định như sau:
+ Lãi suất trong hạn: 11%/năm.
+ Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

1.3. Khoản vay số:TF611BCM57

- Số tiền vay: 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng)

- Số tiền giải ngân: 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng)

- Ngày giải ngân: 31/01/2024

- Đồng tiền vay vốn: Việt Nam Đ

- Thời hạn vay: 120 ngày (Đến ngày 30/05/2024)

- Mục đích khoản vay: Tài trợ hóa đơn mua hàng

- Lãi suất vay được quy định như sau:

+ Lãi suất trong hạn: 11.3%/năm.

+ Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

1.4. Khoản vay số: TF611BCM83

- Số tiền vay: 126.064.612 đồng (Một trăm hai mươi sáu triệu, sáu mươi bốn ngàn, sáu trăm mười hai đồng).

- Số tiền giải ngân: 126.064.612 đồng (Một trăm hai mươi sáu triệu, sáu mươi bốn ngàn, sáu trăm mười hai đồng).

- Ngày giải ngân: 02/02/2024

- Đồng tiền vay vốn: Việt Nam Đ

- Thời hạn vay: 119 ngày (Đến ngày 31/05/2024)

- Mục đích khoản vay: Tài trợ hóa đơn mua hàng

- Lãi suất vay được quy định như sau:

+ Lãi suất trong hạn: 10.5%/năm.

+ Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

1.5. Khoản vay số: TF611BCN21

- Số tiền vay: 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng)

- Số tiền giải ngân: 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng)

- Ngày giải ngân: 05/02/2024

- Đồng tiền vay vốn: Việt Nam Đ

- Thời hạn vay: 119 ngày (Đến ngày 03/06/2024)

- Mục đích khoản vay: Tài trợ hóa đơn mua hàng

- Lãi suất vay được quy định như sau:

+ Lãi suất trong hạn: 10.5%/năm.

+ Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

1.6. Khoản vay số: TF611BCV08

- Số tiền vay: 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng)

- Số tiền giải ngân: 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng)

- Ngày giải ngân: 19/03/2024

- Đồng tiền vay vốn: Việt Nam Đ

- Thời hạn vay: 119 ngày (Đến ngày 16/07/2024)

- Mục đích khoản vay: Tài trợ hóa đơn mua hàng

- Lãi suất vay được quy định như sau:

+ Lãi suất trong hạn: 10.5%/năm.

+ Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

1.7. Khoản vay số: TF611BCX96

- Số tiền vay: 559.719.416 đồng (Năm trăm năm mươi chín triệu, bảy trăm mười chín ngàn, bốn trăm mười sáu đồng)

- Số tiền giải ngân: 559.719.416 đồng (Năm trăm năm mươi chín triệu, bảy trăm mười chín ngàn, bốn trăm mười sáu đồng)

- Ngày giải ngân: 04/04/2024

- Đồng tiền vay vốn: Việt Nam Đ

- Thời hạn vay: 119 ngày (Đến ngày 01/08/2024)

- Mục đích khoản vay: Tài trợ hóa đơn mua hàng

- Lãi suất vay được quy định như sau:

+ Lãi suất trong hạn: 11.5%/năm.

+ Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

1.8. Khoản vay số: TF611BCZ45

- Số tiền vay: 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng)

- Số tiền giải ngân: 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng)

- Ngày giải ngân: 11/04/2024

- Đồng tiền vay vốn: Việt Nam Đ

- Thời hạn vay: 120 ngày (Đến ngày 09/08/2024)

- Mục đích khoản vay: Tài trợ hóa đơn mua hàng

- Lãi suất vay được quy định như sau:

+ Lãi suất trong hạn: 11.5%/năm.

+ Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

1.9. Khoản vay số: TF611BDC00

- Số tiền vay: 483.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng)

- Số tiền giải ngân: 483.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng)

- Ngày giải ngân: 23/04/2024

- Đồng tiền vay vốn: Việt Nam Đ

- Thời hạn vay: 119 ngày (Đến ngày 20/08/2024)

- Mục đích khoản vay: Tài trợ hóa đơn mua hàng
- Lãi suất vay được quy định như sau:
+ Lãi suất trong hạn: 12.5%/năm.
+ Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.
1.10. Khoản vay số: TF611BDH30
- Số tiền vay: 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng)
- Số tiền giải ngân: 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng)
- Ngày giải ngân: 21/05/2024
- Đồng tiền vay vốn: Việt Nam Đ
- Thời hạn vay: 114 ngày (Đến ngày 12/09/2024)
- Mục đích khoản vay: Tài trợ hóa đơn mua hàng
- Lãi suất vay được quy định như sau:
+ Lãi suất trong hạn: 12.5%/năm.
+ Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.
1.11. Khoản vay số: TF611BDJ59
- Số tiền vay: 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng)
- Số tiền giải ngân: 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng)
- Ngày giải ngân: 22/05/2024
- Đồng tiền vay vốn: Việt Nam Đ
- Thời hạn vay: 119 ngày (Đến ngày 18/09/2024)
- Mục đích khoản vay: Tài trợ hóa đơn mua hàng
- Lãi suất vay được quy định như sau:
+ Lãi suất trong hạn: 12.5%/năm.
+ Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

2. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng:

Từ ngày giải ngân đầu tiên (ngày 30/01/2024) đến nay, Công ty TNHH I mới chỉ thanh toán cho Ngân hàng số tiền 50.000.000 đồng tiền nợ gốc của giao dịch đầu tiên và sau đó không thanh toán thêm khoản nào nữa.

3. Quá trình vi phạm hợp đồng tín dụng

Trong quá trình cấp tín dụng, Công ty TNHH I đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, ngày 14/10/2024, Ngân hàng S đã gửi thông báo khởi kiện để yêu cầu Công ty TNHH I thanh toán toàn bộ dư nợ còn thiếu của khoản vay nêu trên, tuy nhiên đến nay Công ty TNHH I vẫn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán đối với số nợ còn lại.

Đồng thời ngày 06/11/2024, Ngân hàng S đã có Thông báo yêu cầu bên bảo lãnh cho khoản vay nêu trên của Công ty TNHH I là ông Bùi Văn C để yêu

cầu bên bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng bảo lãnh đã ký ngày 25/09/2023. Tuy nhiên, đến nay bên bảo lãnh vẫn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán đối với số nợ còn lại.

Hiện nay, Công ty TNHH I còn nợ tổng số tiền như sau (Lãi/phí phạt tạm tính đến ngày 28/11/2025):

Nợ gốc : 2.868.784.028 đồng

Nợ lãi trong hạn: 101.148.791 đồng

Nợ lãi quá hạn: 674.294.966 đồng

Lãi phạt chậm trả lãi: 91.858.976 đồng

Tổng dư nợ: 3.736.086.761 đồng

(Bằng chữ: Ba tỷ, bảy trăm ba mươi sáu triệu, không trăm tám mươi sáu nghìn, bảy trăm sáu mươi mốt) đồng.

4. Biện pháp bảo đảm nợ vay

Toàn bộ 11 khoản vay nêu trên theo Thư cấp hạn mức tín dụng số BFL/MISA23-87-HCM ngày 25/09/2023 và các tài liệu khác kèm theo hồ sơ tín dụng của Công ty TNHH I được bảo đảm bởi:

Hợp đồng bảo lãnh ký ngày 25/09/2023 của ông Bùi Văn C.

II. Nay Ngân hàng SCBVL yêu cầu:

Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam) kính đề nghị quý Tòa thụ lý vụ án, xem xét và phán quyết, buộc:

- Công ty TNHH I trả cho Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam) tổng số nợ còn thiếu (gồm nợ gốc, nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi phạt chậm trả lãi) tạm tính tới ngày 28/11/2025 là 3.736.086.761 đồng (Bằng chữ: Ba tỷ, bảy trăm ba mươi sáu triệu, không trăm tám mươi sáu nghìn, bảy trăm sáu mươi mốt) đồng, trong đó: Nợ gốc là 2.868.784.028 đồng, nợ lãi trong hạn là: 101.148.791 đồng, lãi quá hạn là: 674.294.966 đồng, lãi phạt chậm trả lãi là: 91.858.976 đồng.

- Ngoài ra, Công ty TNHH I còn phải thanh toán cho Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam) tiền lãi theo lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất trong hạn quy định trong Thư cấp hạn mức tín dụng số BLF/MISA23-87-HCM ngày 25/09/2023 và các tài liệu khác kèm theo hồ sơ tín dụng, tính trên tổng số dư nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 29/11/2025 đến khi Công ty TNHH I hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

- Nếu Công ty TNHH I không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì bên bảo lãnh là ông Bùi Văn C phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ toàn bộ khoản vay trên cho Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam) theo Hợp đồng bảo lãnh đã ký ngày 25/09/2023.

* Đại diện theo pháp luật của bị đơn bà Bùi Thị Mai H1 trình bày tại bản tự khai:

Tôi là Bùi Thị Mai H1, sinh năm: 1982 là Giám đốc Công ty TNHH I, hiện tại công ty tôi không đủ kinh phí duy trì hoạt động kinh doanh do khó khăn, bản thân tôi đang bị bệnh hiểm nghèo phải chữa trị liên tục tại Hải Phòng (Tôi có gửi kèm bệnh án).

Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam) và Công ty TNHH I có ký hợp đồng tín dụng, theo đó Ngân hàng cho Công ty TNHH I vay số tiền tổng cộng là 2.868.784.028 đồng (Hai tỷ, tám trăm sáu mươi tám triệu, bảy trăm tám mươi bốn nghìn, không trăm hai mươi tám đồng).

Ý kiến của tôi là: Hiện tại công ty tôi không đủ kinh phí duy trì hoạt động kinh doanh do khó khăn, bản thân tôi đang bị bệnh hiểm nghèo phải chữa trị liên tục tại Hải Phòng. Do vậy cho tôi được có thời gian ổn định chữa bệnh và tôi sẽ hoàn trả dần khi công việc và sức khỏe ổn định hơn.

Đề nghị tòa án giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật. Vì vậy nay do tôi bận việc nên tôi xin được vắng mặt tại các phiên hòa giải cũng như xét xử vụ án. Tôi không thắc mắc hay khiếu nại gì về vấn đề này.

* Ý kiến của ông Bùi Văn C tại Bản tự khai và Đơn xin vắng mặt ngày 25/10/2025 như sau:

Đến thời điểm hiện tại tôi không còn liên quan gì đến phía Công ty TNHH I nữa, toàn bộ cổ phần và người đại diện theo pháp luật tôi đã chuyển sang cho bà Bùi Thị Mai H1, theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cấp ngày 18/02/2025 và hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của tôi ở Công ty TNHH I cho bà Bùi Thị Mai H1 theo hợp đồng chuyển nhượng ký ngày 06/01/2025.

Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam) và bị đơn có ký hợp đồng tín dụng, do đó Ngân hàng cho Công ty vay số tiền tổng cộng là 2.868.784.028 đồng.

Ý kiến của tôi là: Hiện tại tôi không còn liên quan tới quyền lợi và nghĩa vụ của Công ty I. Nên tôi không đồng ý tiếp tục bảo lãnh hợp đồng tín dụng này.

Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, nay do tôi bận việc nên tôi xin được vắng mặt tại các phiên Tòa án hòa giải cũng như xét xử vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Các đương sự tranh chấp với nhau về số tiền mà bị đơn còn nợ của nguyên đơn xuất phát từ hợp đồng tín dụng. Đây là quan hệ tranh chấp "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Bị đơn có địa chỉ trụ sở tại 1 L, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 30; điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a Khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán

Tòa án nhân dân tối cao và căn cứ vào các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025 thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

Căn cứ vào lời khai của các đương sự; căn cứ vào các giấy tờ, tài liệu do các đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được có đủ cơ sở pháp lý để kết luận:

Ngày 25/9/2023, Công ty TNHH I có ký với Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam) Thư cấp hạn mức tín dụng số BLF/MISA23-87-HCM ngày 25/09/2023 và các tài liệu khác kèm theo hồ sơ tín dụng của Công ty TNHH I; Hợp đồng bảo lãnh ký ngày 25/9/2023 giữa ông Bùi Văn C và Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam).

Cụ thể Ngân hàng đã cấp tín dụng cho Công ty TNHH I như sau:

1.1. Khoản vay số: TF611BCL91

- Số tiền vay: 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng)

- Số tiền giải ngân: 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng)

- Ngày giải ngân: 30/01/2024

- Đồng tiền vay vốn: Việt Nam Đ

- Thời hạn vay: 119 ngày (Đến ngày 28/05/2024)

- Mục đích khoản vay: Tài trợ hóa đơn mua hàng

- Lãi suất vay được quy định như sau:

+ Lãi suất trong hạn: 11%/năm.

+ Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng. Tạm tính đến ngày 28/11/2025 bị đơn còn nợ nguyên đơn các khoản tiền như sau:

Nợ gốc: 150.000.000 đồng

Lãi trong hạn: 5.252.055 đồng

Lãi quá hạn: 37.226.712 đồng

Lãi phạt chậm trả: 5.599.305 đồng

Tổng cộng: 198.078.072 đồng.

1.2. Khoản vay số:TF611BCM24

- Số tiền vay: 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng)

- Số tiền giải ngân: 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng)

- Ngày giải ngân: 31/01/2024

- Đồng tiền vay vốn: Việt Nam Đ

- Thời hạn vay: 119 ngày (Đến ngày 29/05/2024)

- Mục đích khoản vay: Tài trợ hóa đơn mua hàng

- Lãi suất vay được quy định như sau:

+ Lãi suất trong hạn: 11%/năm.

+ Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Tạm tính đến ngày 28/11/2025 bị đơn còn nợ nguyên đơn các khoản tiền như sau:

Nợ gốc: 300.000.000 đồng

Lãi trong hạn: 10.508.219 đồng

Lãi quá hạn: 74.317.808 đồng

Lãi phạt chậm trả: 11.157.852 đồng

Tổng cộng: 395.983.879 đồng.

1.3. Khoản vay số: TF611BCM57

- Số tiền vay: 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng)

- Số tiền giải ngân: 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng)

- Ngày giải ngân: 31/01/2024

- Đồng tiền vay vốn: Việt Nam Đ

- Thời hạn vay: 120 ngày (Đến ngày 30/05/2024)

- Mục đích khoản vay: Tài trợ hóa đơn mua hàng

- Lãi suất vay được quy định như sau:

+ Lãi suất trong hạn: 11.3%/năm.

+ Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Tạm tính đến ngày 28/11/2025 bị đơn còn nợ nguyên đơn các khoản tiền như sau:

Nợ gốc: 300.000.000 đồng

Lãi trong hạn: 10.744.110 đồng

Lãi quá hạn: 76.205.342 đồng

Lãi phạt chậm trả: 11.420.362 đồng

Tổng cộng: 398.369.814 đồng.

1.4. Khoản vay số: TF611BCM83

- Số tiền vay: 126.064.612 đồng (Một trăm hai mươi sáu triệu, sáu mươi bốn ngàn, sáu trăm mười hai đồng).

- Số tiền giải ngân: 126.064.612 đồng (Một trăm hai mươi sáu triệu, sáu mươi bốn ngàn, sáu trăm mười hai đồng).

- Ngày giải ngân: 02/02/2024

- Đồng tiền vay vốn: Việt Nam Đ

- Thời hạn vay: 119 ngày (Đến ngày 31/05/2024)

- Mục đích khoản vay: Tài trợ hóa đơn mua hàng

- Lãi suất vay được quy định như sau:

+ Lãi suất trong hạn: 10.5%/năm.

+ Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Tạm tính đến ngày 28/11/2025 bị đơn còn nợ nguyên đơn các khoản tiền như sau:

Nợ gốc: 126.064.612 đồng

Lãi trong hạn: 4.315.554 đồng

Lãi quá hạn: 29.701.168 đồng

Lãi phạt chậm trả: 4.442.969 đồng

Tổng cộng: 164.524.303 đồng.

1.5. Khoản vay số: TF611BCN21

- Số tiền vay: 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng)

- Số tiền giải ngân: 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng)

- Ngày giải ngân: 05/02/2024

- Đồng tiền vay vốn: Việt Nam Đ

- Thời hạn vay: 119 ngày (Đến ngày 03/06/2024)

- Mục đích khoản vay: Tài trợ hóa đơn mua hàng

- Lãi suất vay được quy định như sau:

+ Lãi suất trong hạn: 10.5%/năm.

+ Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng. Tạm tính đến ngày 28/11/2025 bị đơn còn nợ nguyên đơn các khoản tiền như sau:

Nợ gốc: 100.000.000 đồng

Lãi trong hạn: 3.423.288 đồng

Lãi quá hạn: 23.430.822 đồng

Lãi phạt chậm trả: 3.485.736 đồng

Tổng cộng: 130.339.846 đồng.

1.6. Khoản vay số: TF611BCV08

- Số tiền vay: 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng)

- Số tiền giải ngân: 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng)

- Ngày giải ngân: 19/03/2024

- Đồng tiền vay vốn: Việt Nam Đ

- Thời hạn vay: 119 ngày (Đến ngày 16/07/2024)

- Mục đích khoản vay: Tài trợ hóa đơn mua hàng

- Lãi suất vay được quy định như sau:

+ Lãi suất trong hạn: 10.5%/năm.

+ Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Tạm tính đến ngày 28/11/2025 bị đơn còn nợ nguyên đơn các khoản tiền như sau:

Nợ gốc: 200.000.000 đồng

Lãi trong hạn: 6.846.575 đồng

Lãi quá hạn: 43.150.685 đồng

Lãi phạt chậm trả: 5.911.053 đồng

Tổng cộng: 255.908.313 đồng.

1.7. Khoản vay số: TF611BCX96

- Số tiền vay: 559.719.416 đồng (Năm trăm năm mươi chín triệu, bảy trăm mười chín ngàn, bốn trăm mười sáu đồng)

- Số tiền giải ngân: 559.719.416 đồng (Năm trăm năm mươi chín triệu, bảy trăm mười chín ngàn, bốn trăm mười sáu đồng)

- Ngày giải ngân: 04/04/2024

- Đồng tiền vay vốn: Việt Nam Đ

- Thời hạn vay: 119 ngày (Đến ngày 01/08/2024)

- Mục đích khoản vay: Tài trợ hóa đơn mua hàng

- Lãi suất vay được quy định như sau:

+ Lãi suất trong hạn: 11.5%/năm.

+ Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Tạm tính đến ngày 28/11/2025 bị đơn còn nợ nguyên đơn các khoản tiền như sau:

Nợ gốc: 559.719.416 đồng

Lãi trong hạn: 19.528.840 đồng

Lãi quá hạn: 128.030.066 đồng

Lãi phạt chậm trả: 16.977.138 đồng

Tổng cộng: 724.255.460 đồng.

1.8. Khoản vay số: TF611BCZ45

- Số tiền vay: 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng)

- Số tiền giải ngân: 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng)

- Ngày giải ngân: 11/04/2024

- Đồng tiền vay vốn: Việt Nam Đ

- Thời hạn vay: 120 ngày (Đến ngày 09/08/2024)

- Mục đích khoản vay: Tài trợ hóa đơn mua hàng

- Lãi suất vay được quy định như sau:

+ Lãi suất trong hạn: 11.5%/năm.

+ Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Tạm tính đến ngày 28/11/2025 bị đơn còn nợ nguyên đơn các khoản tiền như sau:

Nợ gốc: 200.000.000 đồng

Lãi trong hạn: 7.075.616 đồng

Lãi quá hạn: 44.991.781 đồng

Lãi phạt chậm trả: 5.867.421 đồng

Tổng cộng: 257.934.818 đồng.

1.9. Khoản vay số: TF611BDC00

- Số tiền vay: 483.000.000 đồng (bốn trăm tám mươi ba triệu đồng)

- Số tiền giải ngân: 483.000.000 đồng (bốn trăm tám mươi ba triệu đồng)

- Ngày giải ngân: 23/04/2024

- Đồng tiền vay vốn: Việt Nam Đ

- Thời hạn vay: 119 ngày (Đến ngày 20/08/2024)

- Mục đích khoản vay: Tài trợ hóa đơn mua hàng

- Lãi suất vay được quy định như sau:

+ Lãi suất trong hạn: 12.5%/năm.

+ Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Tạm tính đến ngày 28/11/2025 bị đơn còn nợ nguyên đơn các khoản tiền như sau:

Nợ gốc: 483.000.000 đồng

Lãi trong hạn: 17.249.055 đồng

Lãi quá hạn: 115.374.144 đồng

Lãi phạt chậm trả: 14.698.350 đồng

Tổng cộng: 630.321.549 đồng.

1.10. Khoản vay số: TF611BDH30

- Số tiền vay: 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng)

- Số tiền giải ngân: 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng)

- Ngày giải ngân: 21/05/2024

- Đồng tiền vay vốn: Việt Nam Đ

- Thời hạn vay: 114 ngày (Đến ngày 12/09/2024)

- Mục đích khoản vay: Tài trợ hóa đơn mua hàng

- Lãi suất vay được quy định như sau:

+ Lãi suất trong hạn: 12.5%/năm.

+ Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Tạm tính đến ngày 28/11/2025 bị đơn còn nợ nguyên đơn các khoản tiền như sau:

Nợ gốc: 350.000.000 đồng

Lãi trong hạn: 12.475.342 đồng

Lãi quá hạn: 79.469.178 đồng

Lãi phạt chậm trả: 9.623.391 đồng

Tổng cộng: 415.567.911 đồng.

1.11. Khoản vay số: TF611BDJ59

- Số tiền vay: 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng)

- Số tiền giải ngân: 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng)

- Ngày giải ngân: 22/05/2024

- Đồng tiền vay vốn: Việt Nam Đ

- Thời hạn vay: 119 ngày (Đến ngày 18/09/2024)

- Mục đích khoản vay: Tài trợ hóa đơn mua hàng

- Lãi suất vay được quy định như sau:

+ Lãi suất trong hạn: 12.5%/năm.

+ Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Tạm tính đến ngày 28/11/2025 bị đơn còn nợ nguyên đơn các khoản tiền như sau:

Nợ gốc: 100.000.000 đồng

Lãi trong hạn: 3.730.137 đồng

Lãi quá hạn: 22.397.260 đồng

Lãi phạt chậm trả: 2.675.399 đồng

Tổng cộng: 128.802.796 đồng.

Tổng dư nợ cho 11 lần giao dịch nêu trên là:

Nợ gốc : 2.868.784.028 đồng

Nợ lãi trong hạn: 101.148.791 đồng

Nợ lãi quá hạn: 674.294.966 đồng

Lãi phạt chậm trả lãi: 91.858.976 đồng

Tổng dư nợ: 3.736.086.761 đồng

(Bằng chữ: Ba tỷ, bảy trăm ba mươi sáu triệu, không trăm tám mươi sáu nghìn, bảy trăm sáu mươi mốt) đồng.

Tuy nhiên, theo thỏa thuận của Công ty TNHH I không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo như T cấp hạn mức tín dụng hai bên đã ký và nợ Ngân hàng các khoản như đã nêu ở trên.

Trong quá trình thu thập chứng cứ, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn tới làm việc để tham gia hòa giải cũng như xét xử vụ án nhưng bị đơn có đơn xin vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc nêu trên và bị đơn đã thừa nhận có ký kết với Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam) Thư cấp hạn mức tín dụng số BLF/MISA23-87-HCM ngày 25/09/2023, đồng thời đại diện theo pháp luật của bị đơn có mong muốn được có thêm thời gian ổn định chữa bệnh và sẽ hoàn trả dần khi công việc và sức khỏe ổn định hơn và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Như vậy thể hiện việc bị đơn chấp nhận số tiền nợ gốc và lãi mà nguyên đơn khởi kiện.

Qua các lần nhắc nợ bằng văn bản bị đơn đã không đến Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam) để thanh toán là vi phạm nghĩa vụ thanh toán giữa Công ty TNHH I và Ngân hàng đã thỏa thuận. Nay, Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam) khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH I1 phải thanh toán hết số nợ tạm tính đến ngày 28/11/2025 nêu trên là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về lãi suất áp dụng và yêu cầu tiếp tục thanh toán lãi phát sinh từ ngày 29/11/2025 cho đến khi trả dứt số nợ vay theo lãi suất quy định tại Thư cấp tính dụng; Giấy đề nghị vay vốn và nhận nợ: Xét thấy, tại Thư cấp tính dụng và Giấy đề nghị vay vốn và nhận nợ thì thỏa thuận lãi và mức lãi suất giữa Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam) và Công ty TNHH I là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp theo khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 7, Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

Xét yêu cầu ông Bùi Văn C có nghĩa vụ bảo lãnh cho khoản vay của Công ty TNHH I bằng toàn bộ tài sản của mình.

Căn cứ theo Hợp đồng bảo lãnh ngày 25/9/2023 có thể hiện tại Mục B: Bên bảo lãnh là ông Bùi Văn C và Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam) ký kết hợp đồng bảo lãnh này là một biện pháp bảo đảm để bảo đảm cho bất kỳ và toàn bộ khoản nợ nào mà Bên Được Bảo Lãnh có thể phát sinh với Ngân hàng từ hoặc liên quan đến các tiện ích ngân hàng nói trên. Như vậy, trong trường hợp Công ty TNHH I không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ nữa thì bên bảo lãnh là ông Bùi Văn C có nghĩa vụ thay bên được bảo lãnh là Công ty TNHH I thực hiện nghĩa vụ thanh toán đối với bên ngân hàng trong

trường hợp bên được bảo lãnh vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Trong thời gian đề nghị cấp tín dụng và được cấp tín dụng của Công ty TNHH I thì ông Bùi Văn C vẫn đang là Giám đốc của Công ty, ông C có ký hợp đồng bảo lãnh số tiền vay mà Công ty vay của Ngân hàng. Ông C trình bày hiện không còn liên quan vì bà Bùi Thị Mai H1 đang làm giám đốc Công ty TNHH I. Tuy nhiên, khi chuyển giao chức vụ giám đốc ông C và bà H1 không ký thỏa thuận hủy Hợp đồng bảo lãnh ngày 25/9/2023 với Ngân hàng nên hiện nay người bảo lãnh khoản nợ trên của Công ty TNHH I vẫn là ông Bùi Văn C. Do đó, căn cứ theo thỏa thuận của ông C và Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam) và quy định tại Điều 335 Bộ luật dân sự năm 2015 thì Hợp đồng bảo lãnh ngày 25/9/2023 giữa ông Bùi Văn C và Ngân hàng là vẫn còn giá trị. Theo đó ông C chỉ phải thực hiện nghĩa vụ thay cho Công ty TNHH I trong trường hợp Công ty TNHH I không có khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh.

Như vậy, việc Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam) yêu cầu ông Bùi Văn C có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản vay nêu trên theo hợp đồng bảo lãnh đã ký trong trường hợp Công ty TNHH I không thực hiện được nghĩa vụ thanh toán là có cơ sở. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

[4] Về án phí:

Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm đối với vụ án về kinh doanh thương mại.

Nguyên đơn được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp khi nộp đơn khởi kiện.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025;

Căn cứ vào các Điều 335, 465, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 91, 95 Luật Tổ chức tín dụng;

Căn cứ Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 7, Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào các Điều 2, 6, 7, 9, 30 Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Buộc Công ty TNHH I phải thanh toán cho Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam) toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi quá hạn đối với 11 lần giao dịch theo các khoản vay cụ thể như sau:

1.1. Khoản vay số: TF611BCL91

- Số tiền vay: 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng)
- Số tiền giải ngân: 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng)
- Ngày giải ngân: 30/01/2024
- Đồng tiền vay vốn: Việt Nam Đ
- Thời hạn vay: 119 ngày (Đến ngày 28/05/2024)
- Mục đích khoản vay: Tài trợ hóa đơn mua hàng
- Lãi suất vay được quy định như sau:

+ Lãi suất trong hạn: 11%/năm.

+ Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng. Tạm tính đến ngày 28/11/2025 bị đơn còn nợ nguyên đơn các khoản tiền như sau:

Nợ gốc: 150.000.000 đồng

Lãi trong hạn: 5.252.055 đồng

Lãi quá hạn: 37.226.712 đồng

Lãi phạt chậm trả: 5.599.305 đồng

Tổng cộng: 198.078.072 đồng.

1.2. Khoản vay số:TF611BCM24

- Số tiền vay: 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng)
- Số tiền giải ngân: 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng)
- Ngày giải ngân: 31/01/2024
- Đồng tiền vay vốn: Việt Nam Đ
- Thời hạn vay: 119 ngày (Đến ngày 29/05/2024)
- Mục đích khoản vay: Tài trợ hóa đơn mua hàng
- Lãi suất vay được quy định như sau:

+ Lãi suất trong hạn: 11%/năm.

+ Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Tạm tính đến ngày 28/11/2025 bị đơn còn nợ nguyên đơn các khoản tiền như sau:

Nợ gốc: 300.000.000 đồng

Lãi trong hạn: 10.508.219 đồng

Lãi quá hạn: 74.317.808 đồng

Lãi phạt chậm trả: 11.157.852 đồng

Tổng cộng: 395.983.879 đồng.

1.3. Khoản vay số: TF611BCM57

- Số tiền vay: 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng)
- Số tiền giải ngân: 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng)
- Ngày giải ngân: 31/01/2024
- Đồng tiền vay vốn: Việt Nam Đ
- Thời hạn vay: 120 ngày (Đến ngày 30/05/2024)
- Mục đích khoản vay: Tài trợ hóa đơn mua hàng
- Lãi suất vay được quy định như sau:

+ Lãi suất trong hạn: 11.3%/năm.

+ Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Tạm tính đến ngày 28/11/2025 bị đơn còn nợ nguyên đơn các khoản tiền như sau:

Nợ gốc: 300.000.000 đồng

Lãi trong hạn: 10.744.110 đồng

Lãi quá hạn: 76.205.342 đồng

Lãi phạt chậm trả: 11.420.362 đồng

Tổng cộng: 398.369.814 đồng.

1.4. Khoản vay số: TF611BCM83

- Số tiền vay: 126.064.612 đồng (Một trăm hai mươi sáu triệu, sáu mươi bốn ngàn, sáu trăm mười hai đồng).
- Số tiền giải ngân: 126.064.612 đồng (Một trăm hai mươi sáu triệu, sáu mươi bốn ngàn, sáu trăm mười hai đồng).
- Ngày giải ngân: 02/02/2024
- Đồng tiền vay vốn: Việt Nam Đ
- Thời hạn vay: 119 ngày (Đến ngày 31/05/2024)
- Mục đích khoản vay: Tài trợ hóa đơn mua hàng
- Lãi suất vay được quy định như sau:

+ Lãi suất trong hạn: 10.5%/năm.

+ Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Tạm tính đến ngày 28/11/2025 bị đơn còn nợ nguyên đơn các khoản tiền như sau:

Nợ gốc: 126.064.612 đồng

Lãi trong hạn: 4.315.554 đồng

Lãi quá hạn: 29.701.168 đồng

Lãi phạt chậm trả: 4.442.969 đồng

Tổng cộng: 164.524.303 đồng.

1.5. Khoản vay số: TF611BCN21

- Số tiền vay: 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng)
- Số tiền giải ngân: 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng)
- Ngày giải ngân: 05/02/2024
- Đồng tiền vay vốn: Việt Nam Đ
- Thời hạn vay: 119 ngày (Đến ngày 03/06/2024)
- Mục đích khoản vay: Tài trợ hóa đơn mua hàng
- Lãi suất vay được quy định như sau:

+ Lãi suất trong hạn: 10.5%/năm.

+ Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng. Tạm tính đến ngày 28/11/2025 bị đơn còn nợ nguyên đơn các khoản tiền như sau:

Nợ gốc: 100.000.000 đồng

Lãi trong hạn: 3.423.288 đồng

Lãi quá hạn: 23.430.822 đồng

Lãi phạt chậm trả: 3.485.736 đồng

Tổng cộng: 130.339.846 đồng.

1.6. Khoản vay số: TF611BCV08

- Số tiền vay: 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng)
- Số tiền giải ngân: 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng)
- Ngày giải ngân: 19/03/2024
- Đồng tiền vay vốn: Việt Nam Đ
- Thời hạn vay: 119 ngày (Đến ngày 16/07/2024)
- Mục đích khoản vay: Tài trợ hóa đơn mua hàng
- Lãi suất vay được quy định như sau:

+ Lãi suất trong hạn: 10.5%/năm.

+ Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Tạm tính đến ngày 28/11/2025 bị đơn còn nợ nguyên đơn các khoản tiền như sau:

Nợ gốc: 200.000.000 đồng

Lãi trong hạn: 6.846.575 đồng

Lãi quá hạn: 43.150.685 đồng

Lãi phạt chậm trả: 5.911.053 đồng

Tổng cộng: 255.908.313 đồng.

1.7. Khoản vay số: TF611BCX96

- Số tiền vay: 559.719.416 đồng (Năm trăm năm mươi chín triệu, bảy trăm mười chín ngàn, bốn trăm mười sáu đồng)

- Số tiền giải ngân: 559.719.416 đồng (Năm trăm năm mươi chín triệu, bảy trăm mười chín ngàn, bốn trăm mười sáu đồng)

- Ngày giải ngân: 04/04/2024

- Đồng tiền vay vốn: Việt Nam Đ

- Thời hạn vay: 119 ngày (Đến ngày 01/08/2024)

- Mục đích khoản vay: Tài trợ hóa đơn mua hàng

- Lãi suất vay được quy định như sau:

+ Lãi suất trong hạn: 11.5%/năm.

+ Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Tạm tính đến ngày 28/11/2025 bị đơn còn nợ nguyên đơn các khoản tiền như sau:

Nợ gốc: 559.719.416 đồng

Lãi trong hạn: 19.528.840 đồng

Lãi quá hạn: 128.030.066 đồng

Lãi phạt chậm trả: 16.977.138 đồng

Tổng cộng: 724.255.460 đồng.

1.8. Khoản vay số: TF611BCZ45

- Số tiền vay: 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng)

- Số tiền giải ngân: 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng)

- Ngày giải ngân: 11/04/2024

- Đồng tiền vay vốn: Việt Nam Đ

- Thời hạn vay: 120 ngày (Đến ngày 09/08/2024)

- Mục đích khoản vay: Tài trợ hóa đơn mua hàng

- Lãi suất vay được quy định như sau:

+ Lãi suất trong hạn: 11.5%/năm.

+ Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Tạm tính đến ngày 28/11/2025 bị đơn còn nợ nguyên đơn các khoản tiền như sau:

Nợ gốc: 200.000.000 đồng

Lãi trong hạn: 7.075.616 đồng

Lãi quá hạn: 44.991.781 đồng

Lãi phạt chậm trả: 5.867.421 đồng

Tổng cộng: 257.934.818 đồng.

1.9. Khoản vay số: TF611BDC00

- Số tiền vay: 483.000.000 đồng (bốn trăm tám mươi ba triệu đồng)
- Số tiền giải ngân: 483.000.000 đồng (bốn trăm tám mươi ba triệu đồng)
- Ngày giải ngân: 23/04/2024
- Đồng tiền vay vốn: Việt Nam Đ
- Thời hạn vay: 119 ngày (Đến ngày 20/08/2024)
- Mục đích khoản vay: Tài trợ hóa đơn mua hàng
- Lãi suất vay được quy định như sau:

+ Lãi suất trong hạn: 12.5%/năm.

+ Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Tạm tính đến ngày 28/11/2025 bị đơn còn nợ nguyên đơn các khoản tiền như sau:

Nợ gốc: 483.000.000 đồng

Lãi trong hạn: 17.249.055 đồng

Lãi quá hạn: 115.374.144 đồng

Lãi phạt chậm trả: 14.698.350 đồng

Tổng cộng: 630.321.549 đồng.

1.10. Khoản vay số: TF611BDH30

- Số tiền vay: 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng)
- Số tiền giải ngân: 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng)
- Ngày giải ngân: 21/05/2024
- Đồng tiền vay vốn: Việt Nam Đ
- Thời hạn vay: 114 ngày (Đến ngày 12/09/2024)
- Mục đích khoản vay: Tài trợ hóa đơn mua hàng
- Lãi suất vay được quy định như sau:

+ Lãi suất trong hạn: 12.5%/năm.

+ Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Tạm tính đến ngày 28/11/2025 bị đơn còn nợ nguyên đơn các khoản tiền như sau:

Nợ gốc: 350.000.000 đồng

Lãi trong hạn: 12.475.342 đồng

Lãi quá hạn: 79.469.178 đồng

Lãi phạt chậm trả: 9.623.391 đồng

Tổng cộng: 415.567.911 đồng.

1.11. Khoản vay số: TF611BDJ59

- Số tiền vay: 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng)

- Số tiền giải ngân: 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng)

- Ngày giải ngân: 22/05/2024

- Đồng tiền vay vốn: Việt Nam Đ

- Thời hạn vay: 119 ngày (Đến ngày 18/09/2024)

- Mục đích khoản vay: Tài trợ hóa đơn mua hàng

- Lãi suất vay được quy định như sau:

+ Lãi suất trong hạn: 12.5%/năm.

+ Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Tạm tính đến ngày 28/11/2025 bị đơn còn nợ nguyên đơn các khoản tiền như sau:

Nợ gốc: 100.000.000 đồng

Lãi trong hạn: 3.730.137 đồng

Lãi quá hạn: 22.397.260 đồng

Lãi phạt chậm trả: 2.675.399 đồng

Tổng cộng: 128.802.796 đồng.

Tổng dư nợ cho 11 lần giao dịch nêu trên tạm tính tới ngày 28/11/2025 là:

Nợ gốc : 2.868.784.028 đồng

Nợ lãi trong hạn: 101.148.791 đồng

Nợ lãi quá hạn: 674.294.966 đồng

Lãi phạt chậm trả lãi: 91.858.976 đồng

Tổng dư nợ: 3.736.086.761 đồng

(Bằng chữ: Ba tỷ, bảy trăm ba mươi sáu triệu, không trăm tám mươi sáu nghìn, bảy trăm sáu mươi mốt) đồng.

Trả ngay khi bản án có hiệu lực thi hành.

Việc giao nhận tiền do các đương sự tự nguyện thực hiện hoặc thực hiện tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/11/2025) cho đến khi thi hành án xong, Công ty TNHH I còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà Công ty TNHH I phải thanh toán cho nguyên đơn cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của bên cho vay.

2. Trong trường hợp Công ty TNHH I không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ. Buộc ông Bùi Văn C thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty TNHH I theo nội dung bảo lãnh được quy định trong Hợp đồng bảo lãnh ngày 25/9/2023

cho đến khi Công ty TNHH I hoàn thành hết nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam).

2. Về án phí:

Buộc Công ty TNHH I phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 106.721.735 (một trăm linh sáu triệu, bảy trăm hai mươi mốt nghìn, bảy trăm ba mươi lăm) đồng. Nộp ngay khi bản án có hiệu lực thi hành.

Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí 47.171.672 đồng (Bốn mươi bảy triệu, một trăm bảy mươi mốt nghìn, sáu trăm bảy mươi hai đồng) khi nộp đơn khởi kiện theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0049990 ngày 21/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TANDTPHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - TP.HCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự Khu vực 7 - TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Thu Hương